30

UỶ BAN NHÂN DÂN Tỉnh Thái Nguyên ———***———	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ———oOo———
Số: 2962 /1999/QĐ-UB	*Thái Nguyên, ngày 30 tháng 9 năm 1999*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 1999

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND.

- Căn cứ kế hoạch đầu tư đã giao tại quyết định số 306/1999/QĐ-UB ngày 27/1/1999 và quyết định số: 1753/1999/QĐ-UB ngày 25/6/1999 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Căn cứ công văn số: 75BKH/TH ngày 27/8/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc bổ sung vốn đầu tư XDCB thuộc ngân sách Nhà nước năm 1999.

- Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 632/CV-KH ngày 27/9/1999, về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 1999.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 1999 của các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, Thành phố, Thị xã và các Chủ đầu tư. (có biểu chi tiết kèm theo)

- Chỉ tiêu vốn bổ sung được thanh toán đến ngày 31/12/1999.

Điều 2: Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố, Thị xã có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các Chủ đầu tư thực hiện hoàn thành kế hoạch được giao.

Điều 3: Các Ông, Bà: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố, Thị xã, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành và các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3 (T/hiện). - Bộ KH&ĐT (B/cáo). - Bộ Tài chính (B/cáo). - T.T Tỉnh uỷ (B/cáo). - T.T HĐND tỉnh (B/cáo). - Lưu VP, XDCB.	**TM .UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN** CHỦ TỊCH MAI PHÚC TOÀN

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 1999

(Theo quyết định số: 2962 /1999/QĐ-UB ngày 30/9/1999 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị: Triệu đồng.

CÁC CÔNG TRÌNH	KH giao đầu năm 1999			KH điều chỉnh 1999		
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		XL	TB		XL	TB
1	2	3	4	5	6	7
I. Vốn ngân sách TW						
1/ Trường PTTH Đồng hỷ	350	330				
2/ Trường PTTH Thị xã Sông Công	200	198				
3/ Trường PTTH Đại từ	500	450				
4/ Trường PTTH Phổ yên	400	396		950	940	
5/ Trường PTTH Ngô Quyền	300	220		800	720	
6/ Bệnh viện Tâm thần	300	200				
7/ Bệnh viện A				150	150	
8/ Bệnh viện Lao				150	150	
9/ Đường Yên trạch Phú Lương	200	190		200	180	
10/ Trụ sở huyện uỷ Võ Nhai - Chi khác: 135 triệu (CBĐT 11, CBXD 94 triệu, khác 30 triệu). - Chuyển chủ đầu tư từ huyện uỷ Võ nhai cho UBND huyện Võ nhai	2.000	1.900		2.000	1.865	
11/ TT cụm xã Cúc đường Võ nhai - Chi khác 200 triệu gồm: Đền bù 145 triệu, thẩm định DA 3 triệu, chi khác 52 triệu.	1.000	630		1.000	800	
12/ QHKT-XH huyện Phú bình đến 2010	75			75		
13/ QHKT-XH huyện Phổ yên đến 2010	75			75		
14/ QHKT-XH TX Sông công đến 2010	45			45		
15/ QHKT-XH huyện Đồng hỷ đến 2010	75			75		
16/ QHKT-XH huyện Đại từ đến 2010	50			50		
17/ QHKT-XH huyện Phú lương đến 2010	75			75		
18/ QHKT-XH huyện Định hoá đến 2010	75			75		

1	2	3	4	5	6	7
* Vốn xây dựng QHKT-XH của các huyện, Thị xã, giao cho Sở Tài chính Vật giá quản lý thanh toán theo chế độ quy định.						
19/ Hệ thống điện xã Văn hán Đồng hỷ	300	200		300	260	
20/ Chuẩn bị đầu tư:						
- DA hệ thống điện xã Phú thượng VN	32					
- DA hệ thống điện TT cụm xã Quy kỳ - ĐH				36		
21/ Chuẩn bị xây dựng:						
- DA hệ thống điện xã Phú thượng VN				15		
- DA hệ thống điện chiếu sáng T.trấn Đìnhcả				25		
- DA hệ thống điện xã Tân thành Phú bình				27		
- DA hệ thống điện xã Tân kim Phú bình				31		
- DA hệ thống điện xã Tân khánh Phú bình				34		
II. Vốn ngân sách địa phương.						
1/ Lưới điện xã Yên trạch Phú lương	390	385		390	375	
2/ T.Tâm Chính trị Thị xã Sông Công	90	90		90	63	21
3/ Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ - Sở Tài chính Vật giá cân đối bổ sung thêm nguồn vốn này.				691	691	
4/ Chuẩn bị đầu tư:						
- DA đập La bằng	19			19		
Chuyển chủ đầu tư từ UBND Đại từ cho Sở nông nghiệp và PTNT.						
- DA S/c Trạm bơm điện Linh Nham chuyển chủ đầu tư từ UBND Đồng hỷ cho Sở nông nghiệp và PTNT.	20			20		
- DA kênh trại lúa An khánh chuyển chủ đầu tư từ UBND cho Sở nông nghiệp và PTNT	15			15		
- DA kiên cố kênh mương tuyến N4, N6 chuyển chủ đầu tư từ UBND TX Sông công cho UBND Thành phố Thái Nguyên.	25			25		

1	2	3	4	5	6	7
III. Vốn cấp quyền sử dụng đất.						
* UBND huyện Đồng hỷ:						
- QH và xây dựng Chợ Chùa hang	116					
- Sửa chữa cầu cáp Cao Ngạn				100		
- Xây dựng Trạm phát sóng FM, trạm T.T Cây thị - Văn Hán				55		
- Dự phòng				11		
IV. Vốn sự nghiệp kinh tế:						
* UBND huyện Phú Bình						
- Xây dựng Hội trường xã Kha Sơn	28					
- Hỗ trợ xây dựng đập Ba Cống xã Bàn đạt	15					
- Sửa chữa các công trình khác	17					
- Xây dựng trụ sở xã Kha Sơn				60		

CÁC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ NĂM 1999

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương

(Theo công văn số: 2962 /CV-KH, ngày 29 /9/1999 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị: Triệu đồng.

Các công trình	Bổ sung năm 1999			Chủ đầu tư
	Tổng số	XL	TB	
Tổng số	**20.533**	**18.713**	**570**	
1/ Đường Hoà bình - Văn Lăng	1.000	1.000		UBND huyện Đồng hỷ
2/ Đường Nước Hai - Thần sa	3.000	2.850		Sở Giao thông - Vận tải
3/ Trường PTTH TX Sông công	2.000	2.000		Trường PTTH TX S.công
4/ Trường PTTH Đại từ	3.200	2.800		Trường PTTH Đại từ
5/ Trường PTTH Đồng hỷ	1.800	1.800		Trường PTTH Đồng hỷ
6/ Bệnh viện Tâm thần	2.500	1.780	570	Bệnh viện Tâm thần
7/ Trung tâm cụm xã	3.000	2.550		
- Chợ TT cụm xã Lam vĩ	550	500		UBND huyện Định hoá
- Chợ TT cụm xã Quy kỳ	550	500		UBND huyện Định hoá
- Chợ TT cụm xã Cúc đường	550	550		UBND huyện Võ nhai
- Chợ TT cụm xã Tràng xá	550	500		UBND huyện Võ nhai
- Chợ TT cụm xã Hoà bình	550	500		UBND huyện Đồng hỷ
- Chuẩn bị đầu tư	250			
+ DA TT cụm xã Tràng xá	83			
+ DA TT cụm xã Hoà bình	87			
+ DA TT cụm xã Phú đô	80			
8/ Hồ Hố cùng Phú bình	800	800		UBND huyện Phú bình
9/ Hồ Cây Si TPTN	750	750		UBND TP Thái Nguyên
10/ Hồ Phú Xuyên Đại từ	350	350		Sở N.nghiệp và PT NN
11/ Kiên cố kênh tây cấp I Hồ Núi cốc	1.600	1.500		Sở N.nghiệp và PT NN
12/ CT Quốc gia nước sạch và VSMT nông thôn	533	533		T.T nước sạch VSMT
- DA cấp nước xóm Cao chùa Mỹ yên Đại từ	50	50		
- DA cấp nước sinh hoạt xã Tràng xá Võ Nhai	483	483		

CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP NĂM 1999
CÁC ĐƠN VỊ CỦA SỞ CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo quyết định số: 2962 1999/QĐ-UB ngày 30 tháng 9 năm 1999 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 1999	Điều chỉnh KH 1999	DOANH NGHIỆP THUỘC SỞ CÔNG NGHIỆP								
				CTy khoáng sản	CTy Cơ khí 3/2	CTy SXDN tổng hợp	XN chế biến thực phẩm	CTy Dâu tằm tơ	CTy May Thái Nguyên	CTy May LD Việt Thái	CTY Giấy XK	CTY XL Điện Bắc Thái
I. Giá trị sản xuất Công nghiệp (giá CĐ 1994)	**Triệu đồng**	**110.000**	**97.300**	**11.200**	**3.000**	**5.600**	**4.800**	**7.200**	**29.000**	**17.500**	**13.000**	**6.000**
II. Sản phẩm sản xuất chủ yếu												
1/ Thiếc thỏi	Tấn	500	350	200	50	100						
2/ áo Jackét	1000 SP	400	-	-	-				250	150		
3/ Giấy đế	Tấn	1.800	-	-	-						1.800	
4/ Bao bì các loại	1000 cái	10.000	5.500					5.500				
5/ Tơ tằm	Tấn	6	5	-	-			5				
6/ Bia hơi	1000 lít	1.700	1.600	-	-		1.600					
7/ Cột điện ly tâm	Cột	3.100	-	-	-							3.100

Ghi chú: *Chỉ tiêu thu - chi ngân sách nguyên quyết định số 306/1999/QĐ-UB ngày 27/1/1999 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên.*

CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP NĂM 1999
CÁC ĐƠN VỊ THUỘC SỞ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

(Kèm theo quyết định số: 2962 1999/QĐ-UB ngày 30 tháng 9 năm 1999 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 1999	Điều chỉnh KH 1999	DOANH NGHIỆP THUỘC SỞ XÂY DỰNG							
				NM Xi măng Cao Ngạn	CTY đá ốp lát và VLXD	XN vật liệu xây dựng số I	CTy Cấp nước	CTy Tư vấn xây dựng	CTy XD hạ tầng và VLXD	Mỏ than Bá Sơn	Ban QL các dự án
I. Giá trị sản xuất kinh doanh	**Triệu đồng**	**35.657**	**36.165**	**17.410**	**1.915**	**1.260**	**6.250**	**3.000**	**2.600**	**3.230**	**500**
- Xây lắp	Triệu đồng	4.000	4.400				1.000	1.000	2.400		
- Tư vấn KXTK QHXD	Triệu đồng	2.000	2.500					2.000			500
- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá CĐ 94)	Triệu đồng	29.657	29.265	17.410	1.915	1.260	5.250		200	3.230	
II. Sản phẩm sản xuất chủ yếu											
1/ Xi măng	Tấn	25.000		25.000							
2/ Đá nguyên liệu Xi măng	m^3	25.000	45.000		45.000						
3/ Gạch nung	1000 viên	8.000	6.000			6.000					
4/ Đá đô lô mít	m^3	10.000	2.000						2.000		
5/ Đá hoa ốp lát	m^2	9.000	5.000		5.000						
6/ Nước máy	1000 m^3	3.500					3.500				
7/ Than sạch	Tấn	19.000									19.000

Ghi chú: *Chỉ tiêu thu - chi ngân sách nguyên quyết định số 306/1999/QĐ-UB ngày 27/1/1999 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên.*

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP GIAO THÔNG NĂM 1999 CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo quyết định số: 2962/1999/QĐ-UB ngày 30 tháng 9 năm 1999 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH giao đầu năm 1999	Kế hoạch điều chỉnh năm 1999		
		Tổng số	Trong đó	
			Ngân sách cấp	Nguồn thu phạt theo NĐ36/CP
1	*2*	*3*	*4*	*5*
Tổng số	**3.235**	**3.265**	**2.619**	**616**
I. Trả nợ khối lượng năm 98	**323**	**323**	**323**	
1/ Đường vào ga Quán triều	54	54	54	
2/ Đường vào đài liệt sĩ TNXP	56	56	56	
3/ Sửa chữa thường xuyên	154	154	154	
4/ Cống thoát nước dọc đường 259	50	50	50	
5/ Sửa chữa nhà hạt và cung đường 259	9	9	9	
II. Sửa chữa thường xuyên	**1.850**	**1.820**	**1.820**	
1/ Đường 253 dài 17 Km	204	204	204	
2/ Đường 254 dài 35Km	420	420	420	
3/ Đường 259 dài 27 Km	361	361	361	
4/ Đường 260 dài 22 Km_5	225	225	225	
5/ Đường Phúc xuân-Nhà nghỉ Núi cốc dài 4Km	40	40	40	
6/ Đường ô vuông TPTN dài 43 Km	500	500	500	
7/ Đường nội thị Thị xã Sông công (do UBND TX làm chủ đầu tư)	100	70	70	
III. Sửa chữa vừa.	**780**	**211**	**211**	
1/ Chống lún và cân vênh mặt bằng đường 260 đoạn Km0-Km15	120	65	65	
2/ Sửa chữa nhà hạt 7 đường 260	40	40	40	
3/ Sửa chữa kênh vênh mặt đường đoạn Km0-Km17 đường 254 (chưa cân đòi được vốn 99)	80	-	-	
4/ Đặt 1 cống thoát nước ngang tại Km18+100 đường 254 (năm 99 chưa cân đối được vốn phải vay năm 2000)	40	-	-	
5/ Đặt cống thoát nước tại Km18+100 đường 259	14	14	14	
6/ Đặt cống thoát nước tại Km24+500 đường 259.	20	25	25	

1	2	3	4	5
7/ Chống lún, vá láng nhựa cân vênh mặt đường, đặt cống, xây rãnh thoát nước Km4-Km5 đường 253 (năm 99 chưa cân đối được vốn phải chuyển sang 2000).	298			
8/ Sửa chữa mặt đường và cống thoát nước đoạn ngã 3 Âm hồn đường CMT8	22	22	22	
9/ Sửa chữa mặt đường, hạ lề đường, đào rãnh, đặt cống thoát nước đường Z115	146	45	45	
IV. Thanh tra giao thông.	**280**	**265**	**265**	
1/ Đội thanh tra giao thông do CTy QL và sửa chữa đường bộ quản lý.	140	125	125	
2/ Ban thanh tra, giao thông do Sở quản lý	140	140	140	
V. Sửa chữa, xây dựng công trình phục vụ ATGT (Trả nợ khối lượng 98)		**616**	-	**616**
1/ Xây dựng mẫu điều khiển ngã tư Minh Cầu-Hoàng Văn Thụ.		62	-	62
2/ Sửa chữa cải tạo đảo trò Chùa hang Đồng hỷ		13	-	13
3/ Công trinh ATGT đường Hoàng Văn Thụ		221	-	221
4/ Xây rãnh dọc đường ngã tư Đồng quang - Ga Thái Nguyên		58	-	58
5/ Lát hè, cống bến xe khách Thái Nguyên		35	-	35
6/ Sơn, kẻ lại 8 Pano tuyên truyền ATGT		13	-	13
7/ Sửa chữa cải tạo đường ngang Km50+ 800 đường sắt Đông anh - Quán triều		14	-	14
8/ Rải đá răm nhựa đoạn Quốc lộ 3 đi ga Phổ yên(hỗ trợ UBND Phổ yên theo QĐ số 1868/QĐ-UB ngày 15/7/98 của UBND tỉnh)		200	-	200